TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN L** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**: 34**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2017
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L, TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Nhác

Ông Nguyễn Đình Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân – Thư ký Tòa án nhân dân quận L, TP. Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L, TP. Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ánh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận L, TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2017 về *Tranh chấp ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H – Sinh năm: 1981

HKTT: Tổ 06 phường C, quận L, TP. Hà Nội

Địa chỉ: Xóm Đ, xã Ph, TP. T, tỉnh T. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Quang Th – Sinh năm: 1976

HKTT và nơi ở hiện nay: Số 23 ngõ H, tổ 06 phường C, quận L, TP. Hà Nội. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn và các buổi làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Phạm Quang Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng kí kết hôn ngày 24/5/2002 tại Ủy ban nhân dân phường C, quận L, TP. Hà Nội, quyển số 15/2002. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm

2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Th thường xuyên chơi cờ bạc, nợ nần nhiều. Khi chị H không đưa tiền cho anh Th trả nợ thì anh Th dùng bạo lực, đánh đập chị. Anh Th đã nhiều lần ném quần áo, đuổi chị ra khỏi nhà. Có lần, anh chị cãi nhau, anh Th còn gọi mẹ chị H là bà Lê Thị T (kể cả nửa đêm) yêu cầu bà mang con về. Anh Th đã nhiều lần hứa với chị không chơi cờ bạc và chị cũng tha thứ, cho anh Th nhiều cơ hội; nhưng hết lần này đến lần khác, anh Th lại dính vào cờ bạc, nợ nần. Chị đã phải đi làm vất vả, kiếm tiền trả nợ cho anh Th. Mâu thuẫn của anh chị, gia đình hai bên đều biết, có khuyên giải nhưng không thành. Nay chị H xác định chị không thể chịu nổi tính cách của anh Th và chị đã hết tình cảm với anh Th. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Quang Th.

- Về con chung: Chị H xác định giữa chị và anh Phạm Quang Th có 02 (Hai) con chung là cháu Phạm Nhất L1 – Sinh ngày: 11/10/2002 và cháu Phạm Thị Quỳnh M – Sinh ngày: 03/12/2008. Ly hôn, chị đồng ý giao hai cháu L và cháu M cho anh Th trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, chị tự nguyện đóng góp 2.000.000 đồng/tháng *(Hai triệu đồng)* tiền cấp dưỡng nuôi hai cháu cho anh Th (mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng) kể từ tháng 9/2017 đến khi cháu M, cháu L1 đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay thế.

- Về tài sản chung, công nợ và nhà ở: Chị H xác định anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình: Chị H chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Quang Th.

*Tại biên bản lấy lời khai, các buổi làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Quang Th trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng kí kết hôn ngày 24/5/2002 tại Ủy ban nhân dân phường C, quận L, TP. Hà Nội, quyển số 15/2002. Anh chị có tìm hiểu nhau

được 01(Một) năm mới tiến tới kết hôn, có tổ chức làm đám cưới. Từ hồi cưới nhau đến nay, anh chị không có to tiếng với nhau. Ngày 10/6/2017, anh thấy điện thoại của chị H có tin nhắn, anh đã yêu cầu chị H mở điện thoại để anh xem nhưng chị H không đồng ý và bỏ nhà ra đi. Từ hôm đó đến nay, chị H không quay về nhà, gia đình anh đã trình báo với Công an phường C và tổ dân phố về việc chị H bỏ nhà đi.

Ngoài ra, anh cũng thừa nhận: Quá trình sinh sống, anh chỉ có lỗi duy nhất là mải chơi bên ngoài, có vay mượn tiền bạn bè để chơi khiến chị H phải trả nợ thay cho anh. Chị H đã trả nợ cho anh hai lần với số tiền là 60.000.000 đồng *(Sáu mươi triệu đồng)* và cũng từng chuộc xe máy cho anh. Khi anh chị xảy ra cãi vã, anh có lần đánh chị H. Về kinh tế, chị H là lao động chính trong gia đình, mọi chi tiêu trong gia đình đều do chị H lo. Mâu thuẫn vợ chồng, hai bên gia đình anh chị có biết, cũng đã hòa giải. Nay, anh đã nhận ra lỗi lầm của mình, anh mong chị H vì hai con mà tha thứ cho anh để anh làm lại từ đầu. Trước yêu cầu khởi kiện của chị H, anh không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Anh xác định anh chị có 02 (Hai) con chung là cháu Phạm Nhất L1 – Sinh ngày: 11/10/2002 và cháu Phạm Thị Quỳnh M – Sinh ngày: 03/12/2008. Trường hợp ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi hai cháu L1 và cháu M; anh không yêu cầu chị H đóng góp phí tổn nuôi các con. Anh làm nghề nông - bán ổi, thu nhập của anh trung bình 7.000.000 đồng/tháng *(Bảy triệu đồng)*.

- Về tài sản chung, công nợ và nhà ở: Anh Th xác định anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình: Theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, trước yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, anh Th vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày ở trên và xin được đoàn tụ cùng chị H.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L, TP. Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét thấy hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Quang Th là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sinh sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Phạm Quang Th.

- Về việc nuôi con chung: Tại phiên tòa anh chị đã thống nhất được việc nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của hai anh chị về việc giao cả hai cháu Phạm Nhất L1 –Sinh ngày: 11/10/2002 và cháu Phạm Thị Quỳnh M – Sinh ngày: 03/12/2008 cho anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc đóng góp 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng) tiền phí tổn nuôi con chung kể từ tháng 9.2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. (Chia mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng).

- Về tài sản chung, công nợ và nhà ở: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại thời điểm thụ lý, chị Nguyễn Thị H có đơn xin ly hôn với anh Phạm Quang Th hiện đang trú tại: Số 23 ngõ H, Tổ 06 phường C, quận

L, TP. Hà Nội nên việc Tòa án nhân dân quận L, TP.Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và có căn cứ.

Chị H và anh Th có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận L, TP. Hà Nội vào ngày 24/5/2002. Xét thấy, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn và có tìm hiểu, do đó đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh Th, Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) nhận định:

Theo chị H trình bầy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh Th phát sinh chủ yếu do anh Th mải chơi bên ngoài, không tu chí làm ăn xây dựng gia đình, phát sinh nhiều nợ nần dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã thậm chí xô xát. Chị đã tha thứ nhiều lần nhưng anh Th không sửa chữa. Xét thấy lời trình bầy của chị có cơ sở chấp nhận vì bản thân anh Th cũng có lời khai tại Tòa án xác nhận lỗi của mình như trên và xin chị H cho anh cơ hội sửa đổi. Ông Th1 bố đẻ anh Th cũng xác nhận chị H quá trình làm dâu không xẩy ra điều tiếng gì với gia đình họ hàng, chăm chỉ làm ăn tiết kiệm và vun vén gia đình. Mặc dù tại phiên tòa anh Th phủ nhận việc chơi bời nợ nần của mình, nhưng căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án từ chính lời trình bầy của anh cũng như gia đình anh cũng đã xác định việc anh Th có nợ nần bên ngoài xã hội dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và là nguyên nhân khiến chị H bỏ về nhà mẹ đẻ, vợ chồng anh chị sống ly thân. Cả hai bên gia đình đều có lời trình bầy tại Tòa án về việc hòa giải cho anh chị nhưng không thành. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa Tòa án cũng kiên trì hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Chị H kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh Th do xác định không còn tình cảm. Xác minh tại địa phương cũng phù hợp với lời trình bầy của các đương sự về tình trạng sống của vợ chồng anh chị hiện tại là ly thân nhau. Vì vậy HĐXX nhận định có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh Th đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, hôn nhân không hạnh phúc. Do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh Th.

2.2. Xét yêu cầu xin được nuôi con chung của các đương sự trong vụ án, HĐXX nhận thấy: Đủ căn cứ xác định vợ chồng chị H và anh Th có 02 (Hai) con chung là cháu Phạm Nhất L1 – Sinh ngày: 11/10/2002 và cháu Phạm Thị Quỳnh M – Sinh ngày: 03/12/2008. Xét thấy, các cháu đều có nguyện vọng cùng với bố và ông bà nội. Tại phiên tòa, anh Th có yêu cầu được nuôi hai cháu M và cháu L1 và không yêu cầu chị H đóng góp nuôi con chung. Chị H đồng ý giao cả hai cháu cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyên đóng góp nuôi con chung 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng/tháng) (Chia mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng) kể từ tháng 9.2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. HĐXX xét thấy sự thảo thuận trên của anh chị là tự nguyện, không trái pháp luật nên căn cứ vào Điều 246 BLTTDS công nhận sự thỏa thuận của anh chị, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện về việc cấp dưỡng nuôi con chung của chị H. Chị H được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

2.3. Về tài sản chung, nhà ở và công nợ: Hai anh chị đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 BLTTDS và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 4 Điều 147, Điều 246, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Phạm Quang Th.

Xử: **Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phạm Quang Th.**

2.Về việc nuôi con chung: Xác định chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Quang Th có 02 (Hai) con chung là: cháu Phạm Nhất L1 – Sinh ngày: 11/10/2002 và cháu Phạm Thị Quỳnh M – Sinh ngày: 03/12/2008.

Công nhận sự thỏa thuận của chị H và anh Th về việc giao hai cháu M và cháu L1 cho anh Th trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc đóng góp phí tổn nuôi con chung cho anh Th là 2.000.000 đồng/tháng *(Hai triệu đồng)* (chia mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng *(Một triệu đồng)*, kể từ tháng 9/2017 đến khi cháu M và cháu L1 đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Chị H được quyền tự do đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ và nhà ở: Chị H và anh Th thống nhất tự thỏa thuận, không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng chị H phải chịu 600.000 đồng *(Sáu trăm nghìn đồng)* án phí. Chị H đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án quận L, TP. Hà Nội theo biên lai **số AB/2015/0005603** ngày **22/6/2017**; nay chị H phải nộp thêm 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, bị đơn anh Phạm Quang Th đều có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận L, TP.Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận L, TP.Hà Nội;
-UBND phường C, quận L, TP.Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Thị Thu Hằng